SAO Y; VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN;
Thời gian ký: 17/07/2025 16:40:55 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /2025/NQ-HĐND	*Nghệ An, ngày 10 tháng 7 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025;

Xét Tờ trình số 6259/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Ban hành quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025.

3. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ huyện Nam Đàn phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2021 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù về tài chính - ngân sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Vinh giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thị xã Cửa Lò phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2021 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển thị xã Thái Hòa trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Bắc Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2022 quy định cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ thực hiện Đề án "Xây dựng đô thị trung tâm huyện Đô Lương đạt tiêu chí đô thị loại IV, làm tiền đề cho huyện Đô Lương thành thị xã trước năm 2030"; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội thị xã Hoàng Mai giai đoạn 2022 - 2025; Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 quy định một số cơ chế, chính sách thực hiện các đề án trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội huyện Yên Thành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: http://dbndnghean.vn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Hoàng Nghĩa Hiếu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10 /2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập; các cơ quan khác đóng trên địa bàn; các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các phường, xã (sau đây gọi tắt là cấp xã).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương II
PHÂN CẤP NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

a) Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa dịch vụ sản xuất trong nước, thu khác về thuế của các doanh nghiệp, tổ chức do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu; Thuế tiêu thụ đặc biệt của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do Thuế cơ sở tỉnh Nghệ An quản lý thu;

b) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

c) Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ qua các đơn vị chi trả và thuế thu nhập cá nhân khác của các đơn vị do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh);

d) Thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển đối với giấy phép tỉnh cấp cho các đơn vị do cơ quan Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu;

đ) Lệ phí môn bài của các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh Nghệ An do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu;

e) Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy, tàu thuyền và tài sản khác;

g) Các khoản phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có quy định riêng);

h) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải của các đơn vị do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu; Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của các đơn vị do cơ quan Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu;

i) Tiền thuê mặt đất, mặt nước (bao gồm cả đất, rừng, ...). Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương;

k) Thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các trang trại, nông trường;

l) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

m) Thu hồi vốn ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; các khoản thu khác từ vốn góp của tỉnh;

n) Tiền thu được từ xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử lý và số tiền thu được từ xử lý tài sản công phải nộp vào ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh theo phân cấp;

o) Thu phạt vi phạm hành chính, các khoản thu phạt, tịch thu khác theo quy định do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu (bao gồm cả thu phạt an toàn giao thông);

p) Đóng góp, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách tỉnh theo quy định;

q) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính tỉnh;

r) Vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển theo khoản 5, khoản 6 Điều 7 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

s) Thu kết dư ngân sách tỉnh;

t) Thu cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương;

u) Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang;

v) Thu lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; Thu bán bớt một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

x) Thu từ hỗ trợ của địa phương khác cho ngân sách cấp tỉnh;

y) Các khoản thu khác theo quy định.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã:

a) Thuế giá trị gia tăng từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn các phường, xã: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò, Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu;

b) Thuế thu nhập cá nhân từ các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn các phường, xã: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò, Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu;

c) Thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các phường, xã;

d) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn các phường;

đ) Lệ phí trước bạ nhà đất;

e) Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản của các đơn vị do Thuế cơ sở tỉnh Nghệ An quản lý thu;

g) Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển đối với giấy phép tỉnh cấp cho các đơn vị do Thuế cơ sở tỉnh Nghệ An quản lý thu.

Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Thu khác về thuế từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

b) Lệ phí môn bài từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

c) Thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với các hộ gia đình;

d) Thuế giá trị gia tăng từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn các xã (trừ thu từ thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này);

đ) Thuế thu nhập cá nhân từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn các xã (trừ thu từ thuế thu nhập cá nhân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này);

e) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn các xã;

g) Các khoản phí, lệ phí do cấp xã tổ chức thu (trừ các loại phí và lệ phí có quy định riêng);

h) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải của các tổ chức, hộ gia đình do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thu;

i) Tiền thu được từ xử lý tài sản công thuộc thẩm quyền Uỷ ban nhân dân cấp xã ra quyết định xử lý theo phân cấp;

k) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

l) Thu phạt vi phạm hành chính, thu khác theo quy định do cấp xã quyết định và tổ chức thu;

m) Thu đóng góp và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước trực tiếp cho cấp xã theo quy định;

n) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

o) Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định;

p) Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh;

q) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang;

r) Thu từ hỗ trợ của địa phương khác cho ngân sách cấp xã.

2. Các khoản thu phân chia cho ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

Điều 5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
1	**Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp và tiêu thụ đặc biệt**			
a	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu (không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu, hoạt động khai thác dầu khí)		100	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
b	Thu từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức khác do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu		100	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước	100		
c	Từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh			
-	Trên địa bàn các phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò		90	10
-	Trên địa bàn các phường, xã: Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu		70	30
-	Trên địa bàn các xã còn lại		0	100
-	Đối với thuế tiêu thụ đặc biệt (do Thuế cơ sở tỉnh Nghệ An quản lý thu)		100	
2	**Lệ phí môn bài**			
a	Doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp ngoài quốc doanh; các tổ chức khác (các cơ sở kinh tế của cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang Trung ương và tỉnh,...) do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu		100	
b	Từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh			100
3	**Thuế tài nguyên**		100	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
4	**Thu khác về thuế**			
a	Các doanh nghiệp nhà nước Trung ương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	100		
b	Các doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu		100	
c	Các hộ gia đình, cá thể kinh doanh			100
5	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết**		100	
6	**Thuế thu nhập cá nhân**			
a	Khấu trừ qua các đơn vị chi trả và thuế thu nhập cá nhân khác do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu		100	
b	Các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn			
-	Đối với các phường, xã: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò, Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu		60	40
-	Đối với các xã còn lại			100
7	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**			
a	Thu các hộ sản xuất tại địa bàn xã, phường			100
b	Thu từ các nông trường, trạm, trại nông nghiệp		100	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
8	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**			
-	Các phường		30	70
-	Các xã			100
9	**Tiền sử dụng đất**			
a	Tiền sử dụng đất các khu đất được tỉnh quy hoạch đấu giá, giao đất để tạo nguồn vốn đầu tư những công trình, dự án của tỉnh		100	
b	Các dự án bất động sản trên địa bàn các phường, xã (trừ các phường, xã tại các điểm b1, b2) nhưng không xác định để đầu tư công trình cụ thể		85	15
b1	Các phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc		95	5
b2	Các phường, xã: Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu, Cửa Lò		90	10
c	Đối với các khu đất để xây dựng Khu đô thị thực hiện các dự án đầu tư xây dựng - chuyển giao (BT)		100	
d	Tiền sử dụng đất trừ các khu đất thuộc các điểm 9.a, 9.b, 9.c nêu trên			
-	Các phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc		95	5
-	Phường Cửa Lò		90	10
-	Các phường, xã: Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu, Vạn An, Nam Đàn, Đại Huệ, Thiên Nhẫn, Kim Liên		70	30
-	Các xã thuộc địa bàn còn lại		60	40

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
e	Tiền sử dụng đất thu được từ 4 dự án bất động sản trên địa bàn các phường Vinh: Khu đô thị mới tại phường Đông Vĩnh và phường Cửa Nam (phường Thành Vinh sau sáp nhập); Khu đô thị phía Tây Nam tại phường Vinh Tân và xã Hưng Chính (phường Trường Vinh và phường Thành Vinh sau sáp nhập); Khu đô thị và nhà ở xã hội tại xã Hưng Hòa và Mở rộng khu đô thị tại xã Hưng Hòa (phường Trường Vinh sau sáp nhập)		100	
g	Đối với các khu đất được tỉnh dành riêng để thực hiện các dự án trọng điểm theo các nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh		100	
h	Đối với các khu đất đấu giá của các tài sản công (không tính tài sản trên đất)			
-	Đối với các khu đất đấu giá của các tài sản công để đầu tư trở lại xây dựng trụ sở các cơ quan đơn vị có tài sản theo Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt			
+	Tài sản các đơn vị cấp tỉnh quản lý		100	
+	Tài sản các đơn vị cấp xã quản lý			100
-	Đối với các khu đất đấu giá của các tài sản công không đầu tư trở lại cho các cơ quan đơn vị có tài sản			
+	Tài sản các đơn vị cấp tỉnh quản lý		100	
+	Tài sản các đơn vị cấp xã quản lý		50	50

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
i	Tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá và nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thì được ghi thu tiền sử dụng đất, tiền cho thuê mặt đất, mặt nước, ghi chi kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng và được điều tiết tỷ lệ như sau:			
-	Cấp tỉnh thực hiện		100	
-	Cấp xã thực hiện			100
k	Tiền sử dụng đất thu được từ các khu đất: định giá, tái định cư, tổ chức đấu giá			
-	25% tiền sử dụng đất được bố trí cùng các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đầu tư kết cấu hạ tầng, chi phí liên quan hoặc hoàn trả cho Quỹ phát triển đất; bổ sung nguồn vốn cho kế hoạch đầu tư công		100	
-	75% tiền sử dụng đất thu được từ các khu đất: định giá, tái định cư, tổ chức đấu giá còn lại	Thực hiện theo điểm d, khoản 9 Điều 5.		
10	**Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước** (trừ quy định tại điểm 9.i)		**100**	
11	**Thuế bảo vệ môi trường**			
a	Thu xăng dầu sản xuất trong nước		100	
b	Thu xăng dầu nhập khẩu	100		

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
12	**Tiền đền bù thiệt hại đất**			
a	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp tỉnh quản lý		100	
b	Thu hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với đất thuộc cấp xã quản lý			100
13	**Tiền thu được từ xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn**			
a	Nhà ở và nhà thuộc sở hữu Nhà nước		100	
b	Tài sản, nhà thuộc sở hữu Nhà nước trên đất			
-	Trung ương quản lý	100		
-	Tỉnh quản lý		100	
-	Xã quản lý			100
14	**Lệ phí trước bạ**			
a	Lệ phí trước bạ nhà đất			
-	Địa bàn các phường, xã: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò, Hoàng Mai, Tân Mai, Quỳnh Mai, Thái Hòa, Tây Hiếu, Đông Hiếu		70	30
-	Địa bàn các xã còn lại		50	50
b	Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác		100	
15	**Phí bảo vệ môi trường**			
a	Đối với nước thải, khí thải			
-	Các đơn vị do Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu		100	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
-	Các tổ chức, hộ dân do cấp xã quản lý thu			100
b	Đối với hoạt động khai thác khoáng sản			
-	Các đơn vị do cơ quan Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu		100	
-	Các đơn vị do Thuế cơ sở tỉnh Nghệ An quản lý thu		50	50
16	**Cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, vùng trời, vùng biển**			
a	Giấy phép do Trung ương cấp	70	30	
b	Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp			
-	Các đơn vị do cơ quan Thuế tỉnh Nghệ An quản lý thu		100	
-	Các đơn vị do Thuế cơ sở tỉnh Nghệ An quản lý thu		80	20
17	**Phí, lệ phí (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường)**			
a	Các đơn vị Trung ương tổ chức thu	100		
b	Các đơn vị cấp tỉnh tổ chức thu		100	
c	Các đơn vị cấp xã tổ chức thu			100
18	**Thu nhập từ vốn góp của ngân sách địa phương, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các cơ sở kinh tế; Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh**		**100**	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
19	**Tiền sử dụng khu vực biển**			
a	Giấy phép do Trung ương cấp	100		
b	Giấy phép do địa phương cấp		100	
20	**Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa**		100	
21	**Viện trợ không hoàn lại các tổ chức, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định**			
a	Cấp tỉnh		100	
b	Cấp xã			100
22	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**			100
23	**Thu sự nghiệp của các đơn vị do địa phương quản lý**			
a	Cấp tỉnh		100	
b	Cấp xã			100
24	**Các khoản phạt (bao gồm thu phạt vi phạm an toàn giao thông), tịch thu và thu khác của ngân sách theo quy định (phần thuộc ngân sách Nhà nước theo quy định)**			
a	Do cơ quan Trung ương ra quyết định	100		
b	Do cơ quan cấp tỉnh ra quyết định		100	
c	Do cấp xã ra quyết định			100
25	**Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân theo quy định**			
a	Cấp tỉnh		100	
b	Cấp xã			100

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách		
		Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách tỉnh (%)	Ngân sách xã, phường (%)
A	B	1	2	3
26	**Thu kết dư ngân sách**			
a	Cấp tỉnh		100	
b	Cấp xã			100
27	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**			
a	Cấp tỉnh		100	
b	Cấp xã			100
28	**Thu chuyển nguồn từ ngân sách địa phương năm trước sang ngân sách địa phương năm sau**			
a	Cấp tỉnh		100	
b	Cấp xã			100
29	**Thu lợi nhuận, cổ tức được chia; Thu bán bớt cổ phần nhà nước**			
a	Trung ương quản lý	100		
b	Tỉnh quản lý		100	
30	**Các khoản thu khác thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Trung ương**			

Chương III
PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng các công trình, dự án do cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

- Trụ sở các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang cấp tỉnh. Hỗ trợ xây dựng trụ sở cấp xã;

- Các cơ sở giáo dục - đào tạo, dạy nghề công lập thuộc cấp tỉnh quản lý; hỗ trợ xây dựng các cơ sở giáo dục - đào tạo khác theo quy định;

- Các cơ sở y tế theo phân cấp quản lý;

- Kênh thủy lợi cấp I, các công trình thủy lợi đầu mối tỉnh quản lý;

- Các công trình giao thông tỉnh quản lý;

- Các công trình kết cấu hạ tầng văn hóa thông tin, trùng tu tôn tạo di tích, bảo tàng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn, phát huy di sản văn hoá phi vật thể; công trình thể dục thể thao, phúc lợi xã hội thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Các công trình thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, thông tin truyền thông, công nghệ thông tin, tài nguyên và môi trường, công nghiệp, thương mại và cấp, thoát nước,…

b) Đầu tư, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định;

c) Chi chương trình mục tiêu Quốc gia (vốn đầu tư);

d) Chi trả nợ các khoản huy động theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 7 của Luật ngân sách Nhà nước;

đ) Chi trả lãi, phí và chi phí khác phát sinh từ các khoản vay theo quy định pháp luật;

e) Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; Trường trung cấp nghề do cấp tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư; các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác;

g) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cấp huyện quản lý trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính được điều chuyển lên cấp tỉnh quản lý;

h) Xây dựng các công trình thủy lợi liên xã, các công trình giao thông liên xã, các dự án đầu tư do cấp huyện trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính làm chủ đầu tư;

i) Chi hỗ trợ đầu tư các công trình cấp xã làm chủ đầu tư;

k) Các khoản chi đầu tư phát triển, chi hỗ trợ đầu tư, các công trình xây dựng cơ bản khác theo quy định.

2. Chi thường xuyên

a) Chi sự nghiệp kinh tế:

- Duy tu, bão dưỡng sửa chữa cầu đường bộ, đường thuỷ nội địa do cấp tỉnh quản lý và các công trình giao thông khác;

- Duy tu bão dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; chi khoanh nuôi bảo vệ, phòng chống cháy rừng; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

- Các chính sách phát triển nông nghiệp - nông thôn;

- Chi sự nghiệp tài nguyên: chi đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chi quy hoạch thuộc nhiệm vụ của tỉnh;

- Chi xúc tiến đầu tư, khuyến công và các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế của tỉnh;

- Chi cấp không báo, quỹ nhuận bút, xuất bản báo, tờ tin nội bộ;

- Chi phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền;

- Chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp kinh tế cấp tỉnh;

- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính; duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông, thuỷ lợi;

- Chi hỗ trợ để xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng các mô hình kinh tế; Chi sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất từ nguồn chi thường xuyên theo quy định…;

- Các hoạt động kinh tế khác do ngân sách tỉnh đảm bảo.

b) Chi sự nghiệp môi trường:

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường;

- Hoạt động điều tra cơ bản, khảo sát, báo cáo, cảnh báo, lập dự án, đề án về môi trường;

- Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của tỉnh;

- Xây dựng năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, bao gồm hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường toàn tỉnh;

- Hoạt động quản lý chất thải;

- Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường (bao gồm thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng;

- Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Hỗ trợ Quỹ Bảo vệ môi trường của tỉnh; xử lý các dự án bảo vệ môi trường do thuốc bảo vệ thực vật tồn dư trên địa bàn;

- Hỗ trợ kinh phí quản lý, đối ứng các dự án viện trợ không hoàn lại liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường, bảo vệ môi trường (nếu có);

- Thu gom và xử lý vệ sinh rác thải và nước thải tại các bãi chôn lấp rác trên địa bàn...;

- Khắc phục ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản..;

- Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền cấp tỉnh thực hiện theo quy định pháp luật.

c) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: giáo dục mầm non cấp tỉnh quản lý; các trường trung học phổ thông; các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các trường dạy nghề dài hạn và ngắn hạn, các hình thức bồi dưỡng, dạy nghề khác; chi cho các cơ sở giáo dục và các hoạt động giáo dục đào tạo khác do cấp tỉnh quản lý; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; Trường trung cấp nghề; Chi duy tu sửa chữa trường lớp học, mua sắm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình:

- Chi cho công tác khám chữa bệnh; các đơn vị sự nghiệp y tế khác do cấp tỉnh quản lý;

- Chi cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình;

- Chi công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống dịch trên người;

- Chi quỹ khám bệnh cho người nghèo;

- Chi mua thẻ bảo hiểm y tế, cho các đối tượng được hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh từ ngân sách địa phương;

- Các hoạt động sự nghiệp y tế khác;

- Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các đơn vị thuộc lĩnh vực y tế theo phân cấp quản lý.

đ) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, công nghệ thông tin: chi cho nghiên cứu khoa học; ứng dụng công nghệ thông tin; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin khác do cấp tỉnh quản lý;

e) Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin và truyền thông, du lịch:

- Chi cho bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá vật thể, phi vật thể;

- Chi hoạt động biểu diễn nghệ thuật, triển lãm do cấp tỉnh tổ chức;

- Chi bảo quản, tu bổ, tu sửa cấp thiết các di tích cấp tỉnh quản lý;

- Hỗ trợ chiếu phim; xuất bản sách, báo;

- Chi nghiên cứu, khảo sát phát triển sản phẩm du lịch, quảng bá, xúc tiến du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch;

- Các hoạt động văn hóa, thông tin, du lịch khác do cấp tỉnh quản lý.

g) Chi sự nghiệp thể thao: chi chế độ tiền công, chế độ dinh dưỡng và các chế độ liên quan khác cho huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, tập trung tập luyện và tập trung thi đấu và phục vụ các giải thi đấu cấp tỉnh trở lên; các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác do cấp tỉnh quản lý và tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn quốc;

h) Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: chi cho các nhiệm vụ phát thanh, truyền hình do cấp tỉnh quản lý;

i) Chi đảm bảo xã hội: chi cho các trung tâm, các trại xã hội, chi cứu trợ xã hội, chi phòng chống các tệ nạn xã hội, chi hỗ trợ đóng thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng tự nguyện,... các hoạt động xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh quản lý; Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách ngày lễ, tết ngoài các đối tượng đã được Chủ tịch nước tặng quà và các đối tượng khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

k) Chi đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan Đảng; tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định do cấp tỉnh quản lý;

l) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách tỉnh thực hiện theo đặc thù của địa phương và quy định của Chính phủ;

m) Chi thường xuyên về các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho cấp tỉnh quản lý;

n) Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ: hỗ trợ cho các đơn vị thuộc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn theo quy định;

p) Chi bổ sung ngân sách cấp xã thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ của cấp huyện trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính;

q) Các khoản chi khác theo quy định.

3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính tỉnh.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Các khoản chi khác theo quy định.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách cấp xã theo phân cấp hiện hành;

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của cấp xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy

định và Luật Đầu tư công cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;

- Các cơ sở y tế theo phân cấp quản lý;

- Các cơ sở giáo dục theo phân cấp quản lý.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định.

2. Chi thường xuyên:

a) Chi hỗ trợ các hoạt động kinh tế:

- Kinh phí lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

- Chi sự nghiệp tài nguyên: thống kê, kiểm kê đất đai, chi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thuộc nhiệm vụ của cấp xã;

- Hỗ trợ các mô hình kinh tế, hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định;

- Chi hỗ trợ để xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;

- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, các công trình kiến trúc, hạ tầng, các công trình khác,... do cấp xã quản lý.

- Các hoạt động kinh tế khác.

b) Chi hoạt động bảo vệ môi trường:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn;

- Thu gom, vận chuyển, xử lý, chôn lấp chất thải ở địa bàn cấp xã quản lý;

- Khắc phục ô nhiễm môi trường do khai thác khoáng sản,…;

- Các nhiệm vụ chi khác được phân cấp.

c) Chi sự nghiệp giáo dục:

Chi cho các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non; trung tâm học tập cộng đồng; hội khuyến học và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác trên địa bàn; hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục theo phân cấp quản lý.

d) Chi sự nghiệp y tế:

- Chi hoạt động cho các cơ sở y tế theo phân cấp quản lý, công tác phòng bệnh trên địa bàn;

- Công tác phòng chống dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn; hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn;

- Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở y tế theo phân cấp quản lý.

đ) Chi đảm bảo xã hội:

- Trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hằng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc 01 lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do bảo hiểm xã hội chi trả);

- Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác.

e) Chi các hoạt động văn hoá, thông tin, nhà truyền thống, thư viện, nhà văn hoá, đài truyền thanh và các hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao xã, phường; hỗ trợ công tác vận động toàn dân đoàn kết xây dựng văn hoá dân cư và chi sự nghiệp văn hoá, xã hội khác do cấp xã quản lý; Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho các Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông theo phân cấp quản lý;

g) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định:

- Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế-cho cán bộ công chức cấp xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

- Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã;

- Kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp xã sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

- Kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp xã theo quy định.

h) Chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập do cấp xã quản lý;

i) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ;

k) Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội:

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ;

- Chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự;

- Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn;

- Tổ chức hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; các hoạt động quốc phòng khác trên địa bàn;

- Công tác an ninh, trật tự, phòng cháy chữa cháy, an toàn xã hội ở địa phương;

- Diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống lụt bão, chiến đấu trị an cấp xã theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền;

- Công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội khác.

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã./.